

Số: /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đăng kiểm viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này và được công nhận là đăng kiểm viên.

2. Đăng kiểm viên bao gồm đăng kiểm viên đường sắt và đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tiêu chuẩn của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt;

d) Có thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 12 tháng. Trường hợp có thời gian làm việc liên quan đến quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường sắt cộng dồn tối thiểu 36 tháng (căn cứ theo hợp đồng lao động và hồ sơ bảo hiểm xã hội) thì thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 06 tháng.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Có thời gian giữ hạng đăng kiểm viên đường sắt tối thiểu 05 (năm) năm;

b) Hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt bậc cao.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên

1. Đối với đăng kiểm viên đường sắt

a) Tham gia thẩm định báo cáo đánh giá an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận đối với các nội dung liên quan đến phương tiện, không bao gồm hệ thống tín hiệu lắp đặt trên phương tiện;

b) Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt;

c) Lập hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

d) Tính các loại giá và lệ phí đăng kiểm theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn thực tập cho học viên đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt;

e) Tham gia tập huấn, đánh giá năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho học viên, đăng kiểm viên;

g) Thực hiện những nhiệm vụ khác khi có yêu cầu.

2. Đối với đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

a) Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao thực hiện các nhiệm vụ của đăng kiểm viên đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tham gia hỗ trợ phân tích, xác định nguyên nhân sự cố tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến phương tiện giao thông đường sắt khi có yêu cầu.”.

4. Sửa đổi tên Điều 6; sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quyền hạn của đảng kiểm viên”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Ký và sử dụng dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đảng kiểm theo quy định.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Từ chối thực hiện kiểm tra nếu công việc được phân công vượt quá năng lực chuyên môn nghiệp vụ đã được công nhận hoặc khi nhận thấy các điều kiện an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của đảng kiểm viên

1. Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật về kết quả công việc được phân công.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức đảng kiểm và quy định của pháp luật.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Chương trình tập huấn nghiệp vụ

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đảng kiểm viên đường sắt bao gồm:

a) Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Cục Đảng kiểm Việt Nam;

c) Các quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ đảng kiểm liên quan đến nhiệm vụ được giao;

d) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2. Chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đảng kiểm viên đường sắt bậc cao bao gồm các quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ đảng kiểm liên quan đến nhiệm vụ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Căn cứ vào nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ đối với đảng kiểm viên đường sắt và đảng kiểm viên đường sắt bậc cao theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Cục Đảng kiểm Việt Nam:

a) Ban hành chương trình, tài liệu tập huấn nghiệp vụ;

b) Tổ chức thực hiện tập huấn nghiệp vụ;

c) Ban hành Quyết định công nhận đã hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Công nhận, công nhận lại, ban hành lại và thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực; ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên khi bị sai sót thông tin trên Quyết định, khi bị mất, hư hỏng Quyết định, khi bị thu hồi Quyết định.

2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Ban hành quy trình đánh giá, thủ tục công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên và ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên;

b) Quyết định thành lập Hội đồng công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên để thực hiện việc đánh giá đăng kiểm viên;

c) Ban hành Quyết định công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên. Trường hợp không ban hành Quyết định công nhận, công nhận lại đối với đăng kiểm viên phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Quyết định công nhận đăng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, có sai sót thông tin, đăng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đăng kiểm viên hoặc ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

c) Không được thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp tục giao nhiệm vụ đăng kiểm viên.

5. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thông báo đến đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đăng kiểm viên bị thu hồi

Quyết định công nhận đăng kiểm viên chỉ được cấp lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên tối thiểu 06 (sáu) tháng kể từ ngày thu hồi (trừ trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này).”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Việc kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm tra phục vụ đăng kiểm đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT

Bãi bỏ Điều 8; điểm d, điểm k khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

2. Quy định chuyên tiếp

a) Các Quyết định công nhận đăng kiểm viên đường sắt, đăng kiểm viên đường sắt bậc cao đã được công nhận theo Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT tiếp tục được duy trì đến ngày hết hiệu lực của Quyết định công nhận;

b) Đối với học viên thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên đường sắt chưa được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thời gian thực tập được tính theo quy định của Thông tư này, mốc thời gian được tính từ thời điểm bắt đầu thực tập theo thực tế.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ GTVT (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (TTA).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy